

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục công trình cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trắng, cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu thuộc dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số hiệu 6426-VN; 6427-VN; 6428-VN và 6429-VN ký ngày 29/11/2019 cho Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB; Quyết định số 573/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB;

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 17/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư theo quy định của Nghị định 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ; điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và phê duyệt khung tiêu chuẩn áp dụng cho dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN tại Tờ trình số 60/TTr-BQLDAKV ngày 13/11/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục công trình cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trắng, cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu thuộc dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo kết quả

thẩm định của Sở Giao thông Vận tải tại Công văn số 4826/SGTVT-TĐKTKT ngày 12/11/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng hạng mục công trình cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trắng, cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu thuộc dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung như sau:

1. Tên hạng mục công trình: cầu Sơn Hải, cầu Kênh Trắng, cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu.

2. Dự án: Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

3. Loại công trình: công trình giao thông.

4. Cấp công trình: cầu Kênh Trắng cấp III; cầu Sơn Hải và Đò Bè cấp IV

5. Địa điểm xây dựng: thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

6. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát xây dựng và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Hưng Phú.

7. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Hoàng Ngọc Thê – Chứng chỉ số BXD-00009173 ngày 08/9/2017.

- Chủ nhiệm khảo sát địa chất: Ông Phạm Thành Trung - Chứng chỉ số BXD-000197707 ngày 02/03/2018.

- Chủ nhiệm thiết kế: Ông Nguyễn Quang Chuyên - Chứng chỉ số BXD-00019790 ngày 02/03/2018.

- Chủ trì thiết kế phần cầu: Ông Đặng Quốc Chiến - Chứng chỉ số BXD-00052660 ngày 19/3/2018.

- Chủ trì lập dự toán: Bà Phùng Thị Minh Lựu - Chứng chỉ số BXD-00024184 ngày 27/4/2018.

8. Quy mô và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

Xây dựng mới 03 cầu theo tiêu chuẩn TCVN 11823 - 2017, tải trọng thiết kế cầu HL93 và người đi bộ 3×10^{-3} MPa, 03 cầu nằm trong vùng động đất có hệ số gia tốc $A=0,0986$; cầu Sơn Hải, Đò Bè bắc qua kênh Than và cầu Kênh Trắng bắc qua kênh Cầu Trắng; chiều rộng cầu phù hợp với chiều rộng nền đường, tần suất thiết kế theo mực nước thiết kế của kênh Than và kênh Cầu Trắng.

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

8.2.1. Cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu

Xây dựng mới cầu Đò Bè bắc qua kênh Than tại K0+531,68 là vị trí giáp ranh giữa phường Bình Minh và phường Hải Thanh thuộc thị xã Nghi Sơn; cầu nằm trên đường thẳng, thuộc tuyến đường liên xã Hải Thanh đi Quốc lộ 1, tìm

cầu mới trùng với tim cầu cũ hiện trạng; độ dốc dọc cầu $i_d=0\%$, dốc ngang cầu hai mái $i_{ng}=2\%$, cao độ mặt cầu tại tim là +4,46m; cầu chéo so với hướng dòng chảy của kênh Than một góc $A=600$; chiều rộng toàn cầu $B_c=(0,5+11,0+0,5)m=12m$, chiều dài cầu đến đuôi mố $L=50,15m$; phạm vi thiết kế cầu và đường hai đầu cầu có tổng chiều dài 410,96m từ cọc D1 có tọa độ ($X=2149751.480$, $Y=583142.730$) đến cọc D3 có tọa độ ($X=2149424.737$, $Y=5833385.114$).

a) Kết cấu phần trên

- Cầu gồm 02 nhịp dầm giản đơn bằng BTCT DƯL kéo trước 45MPa $L=21,0m$; mặt cắt ngang cầu gồm 12 dầm bản rộng đặt cách nhau $a=1,0m$; chiều cao dầm $H=0,80m$. Mỗi dầm bố trí 36 tao cáp cường độ cao; cáp cường độ cao loại 1 tao 7 sợi đường kính 12,7mm.

- Bản mặt cầu liên tục nhiệt bằng BTCT 35MPa có chiều dày min là 20cm; mặt cầu được chống thấm bằng vật liệu dạng dung dịch, trên tưới nhựa dính bảm 0,5 kg/m² và lớp bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm.

- Thoát nước mặt cầu, sử dụng loại ống gang đúc sẵn, đường kính D150mm; toàn cầu bố trí 12 ống thoát nước, mỗi bên bố trí 06 ống thoát nước, mỗi nhịp 03 ống thoát nước mỗi bên; tấm chắn rác bằng gang.

- Lan can hai bên cầu bằng ống thép mạ kẽm D130mm cao 61cm; gờ chân lan can bằng BTCT 30MPa cao 70cm tính từ mặt dầm, bố trí phía trong 01 ống nhựa kỹ thuật PVC D100mm.

- Khe co giãn tại hai mố, dùng loại khe co giãn thép dạng răng lược.

- Gối cầu sử dụng gối cao su bản thép kích thước (150x250x35)mm.

b) Kết cấu phần dưới

- Hai mố có cấu tạo giống nhau dạng mố dẹt bằng BTCT 35MPa, đặt trên nền móng cọc khoan nhồi đường kính D1,2m gồm 03 cọc bằng BTCT 35MPa; cao độ đáy bệ mố M1 và M2 là +0,7m; cao độ mũi cọc dự kiến đối với mố M1 là -54,3m đặt trong lớp đất sét ít dẻo, màu xám nâu, kẹp cát, trạng thái cứng - Lớp số 10 (chiều dài cọc đến đáy bệ 55m) và mố M2 là -50,3m đặt trong lớp đất sét ít dẻo, màu xám xanh, xám trắng, trạng thái cứng - Lớp số 9 (chiều dài cọc đến đáy bệ 51m); bản chuyển tiếp bằng BTCT 30MPa, độ dốc 10%, chiều dài $L=5m$; chiều dài và phạm vi đắp đoạn chuyển tiếp giữa cầu và đường đảm bảo tuân thủ Quyết định số 3095/QĐ-BGTVT ngày 07/10/2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

- Trụ cầu dạng trụ dẹt, xà mũ trụ bằng BTCT 35MPa, đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính D1,2m gồm 02 cọc bằng BTCT 35MPa; cao độ đáy xà mũ là +1,6m; cao độ mũi cọc dự kiến là -60,4m đặt trong lớp đất sét cát, màu xám nâu, trạng thái cứng - Lớp số 11 (chiều dài cọc đến đáy xà mũ 62m).

c) Đường đầu cầu

- Đường đầu cầu phía đầu tuyến từ Km0+00 - Km0+200 và phạm vi sau mố M2 đến cuối tuyến tại Km0+410,96: Thiết kế chiều rộng nền đường $B_n=12m$, mặt đường $B_m=11m$ và vượt nổi về quy mô đường hiện trạng; kết cấu áo đường thiết kế đảm bảo cường độ mặt đường $E_{yc} > 140MPa$ gồm các lớp từ

trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 5cm, tưới nhựa dính bám 0,5kg/m²; bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; móng trên bằng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại II dày 30cm. Nền đường đắp bằng đất đạt độ chặt yêu cầu $K > 0,95$, lớp sát đáy móng dày 50cm đạt độ chặt $K > 0,98$; trước khi đắp bóc lớp hữu cơ dày 50cm và đắp trả bằng cát đạt độ chặt $K > 0,95$ đến mặt đất tự nhiên; mái ta luy nền đường đắp 1/1,5 và được gia cố bằng trồng cỏ.

- Phạm từ Km0+200 - Km0+240,38: Trùng với phạm vi nút giao tuyến đường bộ ven biển đoạn từ xã Ninh Hải đến cầu Lạch Bạng 2 không thiết kế.

- Phạm từ Km0+240,38 - Km0+252,91 (mố M1 cầu Đò Bè): Thiết kế vượt nối vào nút giao với tuyến đường bộ ven biển đoạn từ xã Ninh Hải đến cầu Lạch Bạng 2; kết cấu áo đường theo quy mô đường ven biển, đảm bảo cường độ mặt đường $E_{yc} > 201\text{MPa}$ gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5 dày 6cm, tưới nhựa dính bám 0,5kg/m²; bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm, tưới nhựa dính bám 0,5kg/m²; bê tông nhựa rỗng 25 dày 10cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; lớp móng cấp phối đá dăm gia cố xi măng 4% dày 15cm; lớp móng bằng cấp phối đá dăm loại I dày 32cm. Nền đường đắp bằng đất đạt độ chặt yêu cầu $K > 0,95$, lớp sát đáy móng dày 30cm đạt độ chặt $K > 0,98$.

- Vượt nối đường bờ kênh và gia cố mái kênh Than: Được thiết kế trong hạng mục cải tạo kênh Than, đoạn từ cầu Mai đến cống Đò Bè.

- Vượt nối đường ngang: Thiết kế vượt nối với 01 đường hiện trạng phía mố M2 với kết cấu áo đường gồm: Mặt đường bằng bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; lớp móng trên bằng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại II dày 18cm.

d) Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí hệ thống cọc tiêu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, hàng rào chắn cố định bằng tôn lượn sóng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

8.2.2. Cầu Sơn Hải

Xây dựng mới cầu Sơn Hải tại Km6+269,75 thuộc tuyến đường bộ ven biển đoạn từ xã Ninh Hải đến cầu Lạch Bạng 2, cầu Sơn Hải bắc qua kênh Than tại Km0+850 thuộc địa phận phường Bình Minh, thị xã Nghi Sơn; chiều rộng toàn cầu $B_{tc} = (3,0 + 8,0 + 3,0 + 8,0 + 3,0)\text{m} = 25\text{m}$, bao gồm 02 đơn nguyên đặt cách nhau 2m, mỗi đơn nguyên rộng 11,5m; cầu nằm trong đường cong nằm có bán kính $R = 300\text{m}$, dốc ngang cầu một mái $i_{ng} = 2\%$, cao độ mặt cầu tại mép dải phân cách giữa (cao độ đường đồ) là +5,0m; cầu chéo so với hướng dòng chảy của kênh Than một góc $A = 77^\circ$; phạm vi thiết kế cầu từ Km6+230 - Km6+308,7 với chiều dài 78,7m; chiều dài cầu đến đuôi mố $L = 50,15\text{m}$.

a) Kết cấu phần trên

- Cầu gồm 02 nhịp dầm giản đơn bằng BTCT DƯL kéo sau 45MPa $L = 21\text{m}$; mặt cắt ngang mỗi đơn nguyên cầu gồm 05 dầm I đặt cách nhau $a = 2,3\text{m}$; chiều cao dầm $H = 1,2\text{m}$; liên kết các dầm dọc mỗi đơn nguyên bằng 03

dầm ngang BTCT 35MPa/01 nhịp. Mỗi dầm bố trí 04 bó cáp, mỗi bó có 7 tao; cáp cường độ cao loại 1 tao 7 sợi đường kính 12,7mm.

- Bản mặt cầu liên tục nhiệt bằng BTCT 35MPa có chiều dày min là 20cm; tấm ván khuôn bản mặt cầu bằng BTCT 25MPa, dày 8cm. Mặt cầu được chống thấm bằng vật liệu dạng dung dịch, trên tưới nhựa dính bám 0,5 kg/m² và lớp bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm.

- Thoát nước mặt cầu, sử dụng loại ống gang đúc sẵn, đường kính D150mm; toàn cầu bố trí 16 ống thoát nước, mỗi đơn nguyên bố trí 08 ống thoát nước, mỗi nhịp 04 ống thoát nước một bên; nắp đáy ống thoát nước bằng gang, lưới chắn rác bằng thép tròn mạ kẽm D16; phạm vi nằm trong phần vỉa hè cầu, thiết kế rãnh dẫn nước từ cửa thu về ống thoát nước bằng bê tông 30MPa, kích thước gờ dẫn nước (BxH)=(10x9)cm, kích thước lòng dẫn (BxH)=(30x9)cm.

- Lan can cầu bằng thép mạ kẽm chế tạo trong nhà máy và lắp ráp tại hiện trường, chiều cao lan can 1,0m; gờ chân lan can cầu, gờ chắn dải phân cách giữa và phần vỉa hè bằng BTCT 30MPa; bố trí phía trong lòng phạm vi vỉa hè 03 ống nhựa kỹ thuật PVC D150.

- Tấm bản dải phân cách giữa và phần vỉa hè bằng BTCT 25MPa dày 8cm.

- Khe co giãn tại hai mố, dùng loại khe co giãn thép dạng răng lược.

- Gối cầu sử dụng gối cao su bản thép kích thước (300x400x61)mm.

b) Kết cấu phần dưới

- Hai mố có cấu tạo giống nhau dạng mố dẹt, kiểu tường bằng BTCT 35MPa; hai đơn nguyên mố đặt sát nhau, khe phòng lún bằng dây đai tấm nhựa đường rộng 2cm; mỗi đơn nguyên đặt trên nền móng cọc khoan nhồi đường kính D1,2m gồm 03 cọc bằng BTCT 35MPa; cao độ đáy bệ mố M1 và M2 là +1,119m; cao độ mũi cọc dự kiến đối với mố M1, M2 là -46,881m đặt trong lớp đất sét ít dẻo, lẫn sạn dăm màu nâu đỏ, trạng thái cứng - Lớp số 11 (chiều dài cọc đến đáy bệ là 48m); bản chuyển tiếp bằng BTCT 30MPa, độ dốc 10%, chiều dài L=6m; chiều dài và phạm vi đắp đoạn chuyển tiếp giữa cầu và đường đảm bảo tuân thủ Quyết định số 3095/QĐ-BGTVT ngày 07/10/2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

- Trụ cầu dạng trụ dẹt, xà mũ trụ bằng BTCT 35MPa, mỗi đơn nguyên đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính D1,2m gồm 02 cọc bằng BTCT 35MPa; cao độ đáy xà mũ là +1,646m; cao độ mũi cọc dự kiến là -52,354m đặt trong lớp đất sét ít dẻo, lẫn sạn dăm màu nâu đỏ, trạng thái cứng - Lớp số 11 (chiều dài cọc đến đáy xà mũ là 54m).

c) Đường hai đầu cầu

- Thiết kế theo tuyến đường bộ ven biển đoạn từ xã Ninh Hải đến cầu Lạch Bạng 2; chiều rộng nền đường $B_n = (4,0 + 8,0 + 3,0 + 8,0 + 4,0)m = 27m$, mặt đường $B_m = 2 \times 8m = 16m$, dải phân cách giữa 3m, vỉa hè hai bên $B_{vh} = 2 \times 4m = 8m$; kết cấu áo đường theo quy mô đường ven biển, đảm bảo cường độ mặt đường $E_{yc} > 201MPa$ gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau: Bê tông nhựa chặt 12,5

dày 6cm, tưới nhựa dính bảm 0,5kg/m²; bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm, tưới nhựa dính bảm 0,5kg/m²; bê tông nhựa rỗng 25 dày 10cm, tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; lớp móng cấp phối đá dăm gia cố xi măng 4% dày 15cm; lớp móng bằng cấp phối đá dăm loại I dày 32cm. Nền đường đắp bằng đất đạt độ chặt yêu cầu $K > 0,95$, lớp sát đáy móng dày 30cm đạt độ chặt $K > 0,98$; trước khi đắp bóc lớp hữu cơ dày 50cm và đắp trả bằng cát đạt độ chặt $K > 0,95$; mái ta luy nền đường đắp 1/1,5 và được gia cố bằng trồng cỏ.

- Vuốt nổi đường bờ kênh và gia cố mái kênh Than: Được thiết kế trong hạng mục cải tạo kênh Than, đoạn từ cầu Mai đến cống Đò Bè.

d) Via hè: Via hè trên cầu và đường hai đầu cầu được lát bằng đá, kích thước (30x30x5)cm, trên lớp vữa đệm vữa xi măng M50 dày 2cm; riêng phạm vi đường hai đầu cầu có thêm lớp bê tông đệm 10MPa dày 7cm.

8.2.3. Cầu Kênh Trắng

Xây dựng mới cầu Kênh Trắng tại Km6+933,60 thuộc tuyến đường bộ ven biển đoạn từ xã Ninh Hải đến cầu Lạch Bạng 2, cầu Kênh Trắng bắc qua kênh Cầu Trắng tại Km0+085,20 thuộc địa phận phường Bình Minh, thị xã Nghi Sơn; chiều rộng toàn cầu $B_{tc} = (3,0 + 8,0 + 3,0 + 8,0 + 3,0)m = 25m$, bao gồm 02 đơn nguyên đặt cách nhau 2m, mỗi đơn nguyên rộng 11,5m; cầu nằm trong đường cong nằm có bán kính $R = 300m$, dốc ngang cầu một mái $i_{ng} = 2\%$, cao độ mặt cầu tại mép dải phân cách giữa (cao độ đường đỏ) là +5,39m; cầu chéo so với hướng dòng chảy của kênh Cầu Trắng một góc $A = 500$; phạm vi thiết kế cầu từ Km6+894,7 - Km6+980 với chiều dài 85,3m; chiều dài cầu cầu đến đuôi mố $L = 43,10m$.

a) Kết cấu phần trên

- Cầu gồm 01 nhịp dầm giản đơn bằng BTCT DƯL kéo sau 45MPa $L = 33m$; mặt cắt ngang mỗi đơn nguyên cầu gồm 05 dầm I đặt cách nhau $a = 2,3m$; chiều cao dầm $H = 1,65m$; liên kết các dầm dọc bằng 05 dầm ngang BTCT 35MPa/01 nhịp. Mỗi dầm bố trí 05 bó cáp, mỗi bó có 12 tao; cấp cường độ cao loại 1 tao 7 sợi đường kính 12,7mm.

- Bản mặt cầu bằng BTCT 35MPa có chiều dày min là 20cm; tấm ván khuôn bản mặt cầu bằng BTCT 25MPa, dày 8cm. Mặt cầu được chống thấm bằng vật liệu dạng dung dịch, trên tưới nhựa dính bảm 0,5 kg/m² và lớp bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm.

- Thoát nước mặt cầu, sử dụng loại ống gang đúc sẵn, đường kính D150mm; toàn cầu bố trí 10 ống thoát nước, mỗi đơn nguyên bố trí 05 ống thoát nước một bên; nắp đáy ống thoát nước, lưới chắn rác và phạm vi thoát nước nằm trong phần vỉa hè cầu, thiết kế giống cầu Sơn Hải.

- Gối cầu sử dụng gối cao su bản thép kích thước (350x450x78)mm.

- Lan can cầu, gờ chắn các loại, tấm bản dải phân cách giữa và phần vỉa hè, ống nhựa kỹ thuật, khe co giãn giống cầu Sơn Hải.

b) Kết cấu phần dưới: Hai mố có cấu tạo giống nhau dạng mố dẹt, kiểu tường bằng BTCT 35MPa; hai đơn nguyên mố đặt sát nhau, khe phòng lún bằng

dây đay tấm nhựa đường rộng 2cm; mỗi đơn nguyên đặt trên nền móng cọc khoan nhồi đường kính D1,2m gồm 04 cọc bằng BTCT 35MPa; cao độ đáy bệ hai mố là +0,533m; cao độ mũi cọc dự kiến đối với hai mố là -49,467m đặt trong lớp đất sét pha, màu xám xanh, xám nâu kẹp đá, trạng thái cứng - Lớp số 08 (chiều dài cọc đến đáy bệ 50m); bản chuyển tiếp bằng BTCT 30MPa, độ dốc 10%, chiều dài L=6m; chiều dài và phạm vi đắp đoạn chuyển tiếp giữa cầu và đường đảm bảo tuân thủ Quyết định số 3095/QĐ-BGTVT ngày 07/10/2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

c) Đường hai đầu cầu: Giống như cầu Sơn Hải; riêng phần vuốt nối đường bờ kênh và gia cố mái kênh Cầu Trắng được thiết kế trong hạng mục cải tạo kênh Cầu Trắng, đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1 đến kênh Than.

d) Vía hè: Vía hè trên cầu và đường hai đầu cầu giống cầu Sơn Hải.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 75.407.186.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng: 68.559.002.000 đồng.
- Chi phí QLDA: 746.919.000 đồng.
- Chi phí khác: 896.951.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 5.024.314.000 đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2: Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức quản lý, triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong quá trình thực hiện các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Công văn số 4826/SGTVT-TĐKHKT ngày 12/11/2020.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn và Trưởng các ngành, đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi;
- Lưu: VT, THKH.
(47039.2020)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thi

Phụ lục: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG
CẦU SƠN HẢI, CẦU KÊNH TRẮNG, CẦU ĐÒ BÈ VÀ ĐƯỜNG HAI ĐẦU CẦU
Thuộc dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định	Giá trị dự toán trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị dự toán sau thuế
I	Chi phí xây dựng (công trình giao thông)		62.326.365.000	6.232.637.000	68.559.002.000
1	Cầu Đò Bè và đường hai đầu cầu	Dự toán chi tiết	17.249.839.091	1.724.983.909	18.974.823.000
2	Cầu Sơn Hải qua kênh Than		22.440.310.000	2.244.031.000	24.684.341.000
3	Cầu Kênh Trắng qua kênh Cầu Trắng		22.636.216.364	2.263.621.636	24.899.838.000
II	Chi phí quản lý dự án (Tạm tính 50% đầu tư xây dựng thuộc vùng đặc biệt khó khăn)	1,1984% x 62.326.365.000	746.919.000	-	746.919.000
III	Chi phí khác		819.158.000	77.793.000	896.951.000
1	Chi phí bảo hiểm cầu Kênh Trắng	0,640% x 22.636.216.364	144.871.785	14.487.179	159.359.000
2	Chi phí bảo hiểm cầu Sơn Hải, cầu Đò Bè	0,240% x 39.690.149.091	95.256.358	9.525.636	104.782.000
3	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông	Dự toán chi tiết	172.347.273	17.234.727	189.582.000
4	Chi phí xây dựng Trạm điện phục vụ thi công	Dự toán chi tiết	365.453.636	36.545.364	401.999.000
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	0,0678% x0,5x 62.326.365.000	21.128.638	-	21.129.000
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,0645% x0,5x 2.326.365.000	20.100.253	-	20.100.000
IV	Chi phí dự phòng		4.731.194.000	473.119.000	5.204.314.000
1	Dự phòng khối lượng phát sinh (không bao gồm dự phòng cho chi phí lãi vay, phí cam kết, phí thu xếp vốn, phí quản lý cho vay lại)	5% x 62.326.365.000	3.116.318.250	311.631.825	3.427.950.000
2	Dự phòng do yếu tố trượt giá (không bao gồm dự phòng cho chi phí lãi vay, phí cam kết, phí thu xếp vốn, phí quản lý cho vay lại)	2,591% x 62.326.365.000	1.614.876.117	161.487.612	1.776.364.000
TỔNG CỘNG			68.623.636.000	6.783.549.000	75.407.186.000